

Bản án số: 288/2019/DS-PT

Ngày: 21 - 10 - 2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Hoàng Khải.

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Kim Em.

Ông Lê Thanh Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 và ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2019/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2019 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 376/2019/QĐPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị D**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp B1, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà D:* Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Theo Giấy ủy quyền được chứng thực số 1347 ngày 18/9/2019) (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1959; (có mặt)

2. Ông **Dương Tiến D1**, sinh năm 1956; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã LB, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thanh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị D trình bày:

Ngày 08/4/2011, bà D có cho vợ chồng bà C, ông D1 mượn số tiền 50.000.000 đồng để bà C, ông D1 làm vốn kinh doanh chung cho gia đình. Ngay khi mượn tiền, bà C có tự tay viết và ký tên biên nhận cho bà D, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận là khi trả sẽ tính lãi suất. Bà C nói miệng với bà D 01 năm sau có tiền sẽ trả lại cho bà cả vốn lẫn lãi nhưng không có viết vào biên nhận. Từ ngày mượn tiền cho đến nay bà C, ông D1 không trả cho bà D khoản tiền nào và hẹn lần lượt. Lần cuối cùng, bà đến yêu cầu bà C trả tiền thì hai bên thống nhất đến cuối năm 2017, bà C và ông D1 sẽ trả số tiền trên nhưng đến nay bà C, ông D1 vẫn chưa trả tiền.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà C, ông D1 liên đới trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 33.750.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực.

- Bị đơn bà Nguyễn Thanh C trình bày:

Khoảng năm 2012, bà có vay của bà D 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng (đóng lãi 1.500.000 đồng/tháng). Tiền này bà D vay ở ngân hàng cho bà vay lại để hưởng lãi suất chênh lệch. Đến khi ngân hàng đáo hạn thì bà D đòi lại vốn, lúc đó bà chưa kịp trả nhưng vẫn đóng lãi, bà D có mượn xã hội đến đến nhà bà để đòi nợ. Bà có lo trả cho bà D được số tiền 18.000.000 đồng. Bà D nói có mượn 01 lượng vàng 24k của mẹ bà D để cho bà mượn trả cho bà D. Vì tin tưởng bạn bè nên bà không ghi giấy (nghĩ rằng có nhân chứng là được). Hơn nữa giấy nợ đã quá thời hiệu, không cần lắm và luôn nhớ không còn xót giấy nợ nào cả. Từ năm 2016 đến nay bà nghĩ đã xong nên không còn quan tâm nữa.

- Bị đơn ông Dương Tiến D1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông D1 nhưng ông D1 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bản án sơ thẩm số: 74/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 488 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thị D đối với số tiền lãi 30.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thanh C và ông Dương Tiến D1 có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị D số tiền 55.625.000 đồng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà C, ông D1 không trả số tiền trên thì hàng tháng bà C, ông D1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời

gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

\* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 30/5/2019, bị đơn bà Nguyễn Thanh C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 74/2019/DSST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Thanh C trình bày năm 2012 bà có mượn của bà D 50.000.000 đồng nhưng vào năm 2016 bà đã trả cho bà D xong nên không còn nợ. Đối với biên nhận nợ 50.000.000 đồng ghi ngày 08/4/2011 bà D kiện bà thì không phải bà nợ bà D mà là nợ cụ G (mẹ ruột của bà D) nợ này bà cũng trả xong, nay cụ G đã chết. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà D đòi bà và ông D1 trả 55.625.000 đồng như án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng với luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử buộc bà C trả cho bà D 50.000.000 đồng là có cơ sở nhưng án sơ thẩm quyết định đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là chưa phù hợp vì nguyên đơn chỉ thay đổi một phần yêu cầu về tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, sửa một phần án sơ thẩm cho phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thanh C đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về tư cách người tham gia tố tụng, nguyên đơn Hồ Thị D ủy quyền cho Nguyễn Thị Huỳnh N làm đại diện tại phiên tòa phúc thẩm là đúng với quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 135, 138 của Bộ luật dân sự. Đối với bị đơn Dương Tiến D1 đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng với tính chất của vụ án mà nguyên đơn yêu cầu giải quyết được quy định tại các Điều 11, 280, 351, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà D cho rằng vào ngày 08/4/2011 bà có cho vợ chồng bị đơn C, D1 vay 50.000.000 đồng làm vốn kinh doanh. Khi vay bà C có viết biên nhận và ký tên. Sau đó bà C nói miệng một năm sau có tiền sẽ trả vốn và lãi cho bà nhưng đến nay vẫn chưa trả đồng nào. Nay bà D yêu cầu bà C và ông D1 liên đới trả cho bà 50.000.000 đồng tiền vốn và tính lãi 0,75%/tháng từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà C thừa nhận khoảng năm 2012 có vay của bà D 50.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng, bà có đóng lãi 1.500.000 đồng mỗi tháng. Bà có trả cho bà D được 18.000.000 đồng và bà D nói mượn 01 lượng vàng 24k của mẹ bà D cho bà mượn trả nợ bà D, xem như bà đã trả xong. Đối với ông D1 từ khi bị kiện đến nay tòa án sơ phúc thẩm đều tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông D1 nhưng ông không đến Tòa án theo giấy triệu tập trình bày ý kiến và cũng không có văn bản ghi ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của bà D.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D buộc bà C và ông D1 có nghĩa vụ trả cho bà D 50.000.000 đồng tiền vốn và 5.625.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 55.625.000 đồng. Sau khi xử bà C kháng cáo.

[4] Xét nội dung đơn kháng cáo và lời trình bày của bà C tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy: Bà C thừa nhận vào năm 2012 bà mượn của bà D 50.000.000 đồng để cùng ông Dương Tiến D1 làm vốn buôn bán. Tờ biên nhận ghi “Tôi Nguyễn Thanh C có nhận 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 08/4/2011 ký tên Nguyễn Thanh C. Khi trả tính lãi suất” là của bà, nhưng bà cho rằng tiền nợ bà D vào năm 2012 thì bà đã trả xong cho bà D và đã lấy lại tờ biên nhận. Còn tờ biên nhận ngày 08/4/2011 thì bà vay của cụ G là mẹ ruột của bà D và cũng là mẹ nuôi của bà. Biên nhận nợ này bà cũng đã trả xong trước khi cụ G chết nhưng khi trả thì biên nhận nằm trong sổ của bà D nên không có lấy lại. Mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/10/2019 bà C xin tạm ngừng phiên tòa cho bà có thời gian tìm lại chứng cứ, chứng minh bà đã trả xong nợ cho bà D. Hội đồng xét xử sơ thẩm và phúc thẩm đều chấp nhận yêu cầu của bà ra quyết định tạm ngừng phiên tòa cho bà truy tìm chứng cứ chứng minh. Thế nhưng mãi đến phiên tòa hôm nay 21/10/2019, bà C cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ gì mới mà vẫn khai đã trả xong nợ cho bà D. Lời khai này không được người đại diện của bà D công nhận. Còn về lời khai của chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1971 địa chỉ ấp B, xã T, thành phố M mà bà C gọi là nhân chứng thì trình bày “có nghe chị D cho chị C vay 50.000.000 đồng, sau đó chị C mượn vàng của cụ G trả cho chị D xong. Ngoài ra, sau đó chị không nghe kể về nợ của chị C nữa”. Lời khai của chị T cũng khai nghe, hoàn toàn không khẳng định biết rõ sự thật nên không có cơ sở chấp nhận được yêu cầu của bà C.

[5] Về tiền lãi thì biên nhận ngày 08/4/2011, bà C ghi và ký tên không thể hiện ngày trả nợ và mức lãi suất nhưng có ghi “khi trả tính lãi suất” nhưng tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của nguyên đơn yêu cầu bà C, ông D1 trả lãi từ ngày phát sinh tranh chấp là ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,75%/tháng được tòa sơ thẩm chấp nhận buộc bà C, ông D1 phải trả cho bà D 5.625.000 đồng (50.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 15 tháng) là có căn cứ

đúng với Điều 154, 280, 351, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, khi khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn và 33.750.000 đồng tiền lãi. Nhưng quá trình giải quyết người đại diện của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu tính lãi. Cụ thể là yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng vốn x 0,75%/tháng kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 5.625.000 đồng. Lẽ ra khi quyết định Tòa sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc tính lãi nhưng lại xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà D về số tiền lãi 30.000.000 đồng là không đúng với Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉnh sửa lại nội dung này cho phù hợp. Yêu cầu Tòa sơ thẩm rút kinh nghiệm đối với thiếu sót trên.

[6] Về trách nhiệm trả nợ: Theo biên nhận vay tiền ngày 08/4/2011 thì chỉ có một mình bà C ghi nội dung và ký tên nhưng bà D khởi kiện yêu cầu bà C cùng chồng là ông Dương Tiến D1 trả nợ cho bà và bà cho rằng khi vay có mặt ông D1 cùng đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đến dự phiên tòa nhưng ông D1 đều vắng mặt nhưng không có lý do và không có bất cứ ý kiến gì đối với việc bị kiện và sau khi xử sơ thẩm ông D1 cũng không kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C thừa nhận số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 08/4/2011 là để vợ chồng bà làm vốn mua bán. Khi vay tiền thì ông D1 cũng biết và đồng ý. Vì vậy, Tòa sơ thẩm xử buộc ông D1 cùng liên đới trả số nợ vay cho bà D là có căn cứ đúng với Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình đã quy định.

[7] Về án phí thì căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi và Điều 12 Nghị quyết số 326 của UBTV Quốc hội khóa 14 miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông D1 và bà C vì ông D1 và bà C thuộc diện người cao tuổi được miễn án phí theo các quy định trên.

Xét nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 270, điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 259, Điều 293, Điều 304, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thanh C. Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11, Điều 154, 280, 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 2 của Luật người cao tuổi; điểm đ Điều 12, Điều 29 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D. Buộc bà Nguyễn Thanh C và ông Dương Tiến D1 liên đới nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị D 50.000.000 đồng tiền vốn và 5.625.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 55.625.000 đồng (Năm mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà C, ông D1 chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D đòi bà C, ông D1 trả tiền lãi.

3. Về án phí:

- Bà Hồ Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà D 2.094.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015235 ngày 11/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà C, ông D1. Trả lại cho bà C 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002630 ngày 31/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Hoàng Khải**